

## “KHU VỰC ZOMIA” - KHÔNG GIAN PHI NHÀ NƯỚC THEO QUAN ĐIỂM CỦA JAMES SCOTT<sup>1</sup>

**ThS. Vũ Tuyết Lan**  
**Viện Dân tộc học**

**Tóm tắt:** Cuốn sách “*The art of not being governed: An Anarchist History of Upland Southeast Asia*” (Tạm dịch là: *Nghệ thuật trốn tránh khỏi sự quản trị của nhà nước: Lịch sử phi nhà nước ở vùng cao Đông - Nam Châu Á*) của James Scott thực sự là một công trình nghiên cứu cứu độ sộ và có ý nghĩa quan trọng về vấn đề quyền lực, vị thế chính trị của những dân tộc đã được ghi dấu trong lịch sử là những dân tộc “lạc hậu” chưa đạt đến trình độ hiện đại, lịch sử của những dân tộc phản kháng lại sự kiểm soát của Nhà nước và tạo ra một mô hình quản trị xã hội - chính trị khác mô hình của Nhà nước nơi mà họ sinh sống. Phát hiện của Scott đối với vùng Zomia đã tái hiện một cách rõ ràng những vết rạn của Nhà nước trung ương tập quyền, chỉ ra rằng việc hình thành một vùng cư trú của những người vùng núi liên/xuyên biên giới một số quốc gia Đông - Nam Châu Á không phải là một kiểu sống mông muội, mà thực ra đó là một chiến lược ứng phó. Công trình này như là một lời cảnh báo với những nhà hoạch định chính sách, các học giả, các nhà chiến lược quân sự, có thể cả những người tham gia vào việc xây dựng và phát triển các Nhà nước về những giới hạn quyền lực của Nhà nước.

**Từ khóa:** James Scott, Zomia, quản trị nhà nước, không gian phi nhà nước.

### Mở đầu

Vấn đề quốc gia - dân tộc và tộc người từ trước đến nay vẫn luôn là một chủ đề lôi cuốn sự quan tâm không chỉ của các học giả, các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách, mà còn của Chính phủ ở nhiều quốc gia khác nhau. Đặc biệt, trong bối cảnh thế giới đương đại với sự phức tạp và đan xen của các chiều cạnh không gian, thời gian cùng với những hình thức quản trị ứng với

không gian đó, sự can thiệp và xoay chuyển một cách nhanh chóng của công nghệ tạo nên một phức thể chằng chéo cần có sự phân tích kỹ càng dưới nhiều chiều cạnh. Trong khi các nhà nước, chính phủ đang cố gắng nỗ lực xây dựng và khẳng định chủ quyền lãnh thổ và đường biên giới của mình thì James Scott (2009) đã đưa đến một công trình nghiên cứu Nhân học lịch sử về một vùng có tên là Zomia - không gian phi nhà nước mang tính quốc tế. Bản thân Scott đã khẳng định luận điểm chính của cuốn sách này thực sự là một sự gọi mở và mang tính trái chiều.

Bài viết này không nhằm mục đích tranh luận về những luận điểm của Scott, mà tác giả chỉ muốn bày tỏ những diễn giải

<sup>1</sup> Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu thuộc đề tài cấp Nhà nước “*Nghiên cứu chính sách dân tộc thiểu số của một số quốc gia trên thế giới, đề xuất bổ sung, hoàn thiện chính sách dân tộc ở Việt Nam*”, Mã số: CTD.T.07.16/16-20 (2016 - 2018), do TS. Nguyễn Đình Cung, Viện Quản lý kinh tế Trung ương làm Chủ nhiệm.

và bình luận mang tính cá nhân về một số luận điểm chính liên quan đến vùng Zomia - không gian phi nhà nước trong mối quan hệ với Nhà nước và quá trình hình thành Nhà nước mà James Scott (2009) đã đưa ra trong cuốn sách của ông có tựa đề: “*The art of not being governed: An Anarchist History of Upland Southeast Asia*”.

### 1. Nội dung chính của cuốn sách

Phần giới thiệu về khu vực Zomia được Scott trình bày trong Chương 1. Đó là khu vực trải rộng trên lãnh thổ của 8 quốc gia thuộc phía Đông - Nam Châu Á, với nhiều tôn giáo khác nhau, hàng trăm tộc người cư trú và ngôn ngữ được sử dụng. Như thế, Zomia theo Scott, thực sự là một tập hợp vô cùng đa dạng về tộc người, khác biệt văn hóa, tôn giáo được tạo nên bởi các không gian địa lý và nhu cầu trốn chạy khỏi sự khống chế của Nhà nước ở vùng thấp. Chính việc chôn bỏ tất cả các quy định của các Nhà nước vùng thấp là “sự khẳng định tính độc lập cũng như những hoạt động kinh tế nông nghiệp và các thực hành xã hội của những người vùng núi có thể được hiểu là các kỹ năng để lẩn tránh Nhà nước đồng thời vẫn duy trì được những điểm tích cực của các hoạt động kinh tế nông nghiệp mà họ đã thực hành khi sinh sống tại vùng thấp trước đây” (tr. 25).

Chương 2 đề cập đến việc sử dụng và quản lý đất đai của Nhà nước mang tính chính trị và những lực cản chống đối lại các nỗ lực này của Nhà nước trung ương. Chính hoạt động canh tác lúa nước là yếu tố giúp Nhà nước trung ương triển khai và áp đặt quyền lực. Việc quyền lực tập trung toàn bộ trong tay của Nhà nước và hoạt động sản xuất lương thực cũng nằm trong sự quản lý

của Nhà nước cho thấy Nhà nước nắm giữ quyền lực tối cao đối với công dân của mình. Từ đó đã tạo ra một khu vực là Zomia - nơi những người dân chống đối Nhà nước chạy trốn và ẩn náu sinh sống để trốn tránh sự kiểm soát, khống chế của Nhà nước.

Chương 3, trình bày về mối quan hệ giữa đất canh tác và quyền lực cai trị, đồng thời nhấn mạnh rằng quyền lực của Nhà nước áp đặt trên toàn bộ dân lao động chứ không chỉ là quản lý lãnh thổ ở khu vực Đông - Nam Châu Á. Hoạt động canh tác kết hợp nông nghiệp lúa nước và canh tác nương rẫy của những cư dân vùng núi đã giúp củng cố và tăng cường tính độc lập, tính linh hoạt trong di chuyển của các cư dân này, đồng thời cũng là chiến lược phản kháng lại chế độ sưu thuế bắt buộc của Nhà nước.

Chương 4 phân tích mối liên hệ giữa Nhà nước và các khu vực “vô chính phủ”, là nơi mà Scott cho rằng những dấu hiệu cụ thể như ngôn ngữ, tính tộc người sẽ làm nên những khác biệt giữa các nhóm người, tộc người. Người Trung Quốc định nghĩa văn minh là những gì đối lập với mông muội, nhấn mạnh rằng cuộc sống ở đô thị mới thực sự là một chuẩn tiên bộ, còn sống ở những vùng núi cao là cuộc sống nguyên thủy (tr. 103) và những nỗ lực khai hóa văn minh ở vùng núi cao được coi là các tư tưởng tiến bộ.

Chương 5, tập trung phân tích sâu về Zomia - vùng cư trú của những người tị nạn chạy trốn khỏi sự bức bách và truy đuổi của các Nhà nước vùng thấp. Phân tích này được đặt trong những đối sánh với các nền văn minh thống trị cùng thời ở bên ngoài khu vực Đông - Nam Châu Á, chẳng hạn như

vùng Lưỡng Hà, nơi cũng có những người dân thường vứt bỏ lại ruộng vườn, nhà cửa của mình để chạy trốn khỏi Nhà nước nhằm tìm kiếm sự an toàn tại những khu vực hoang sơ.

Chương 6, Scott tập trung vào khái niệm mà ông đưa ra đó là “nông nghiệp trốn tránh”, một chế độ canh tác nông nghiệp phi tập trung và hết sức mềm dẻo cho phép những cư dân vùng núi có thể tránh được sự truy kích của Nhà nước vùng thấp. Hình thức canh tác nông nghiệp trốn thoát có đặc điểm rất hoang sơ, không phức tạp cầu kỳ nhưng lại chính là cách thức hiệu quả để phản kháng lại sự kiểm soát của Nhà nước. Một nửa chương được tác giả dành để trình bày về lịch sử truyền miệng, các hình thức truyền khẩu của vùng Zomia như là một đối lập với hệ thống văn tự và văn bản chữ viết của các Nhà nước vùng thấp cũng như sự hữu ích của hình thức “quên kiểu Lisu” - là một cách để từ chối sự tiếp nhận tất cả các giá trị lịch sử chính thống mà Nhà nước vùng thấp tạo ra. Cả hai cách thức mà người vùng núi sử dụng là truyền khẩu và lãng quên đều là chiến lược mà những người vùng cao dùng để đối phó và chống lại văn hóa vùng thấp thông qua việc cắt đứt các liên hệ trực tiếp hay gián tiếp và xóa bỏ những ký ức.

Chương 7 thảo luận về quá trình tộc người, mô tả dòng chảy tự nhiên của các quá trình tộc người và bản sắc tộc người đã tạo nên bộ phận những người sống ở vùng núi.

Chương 8, Scott nói về sự phản kháng muôn thuở của những người vùng Zomia đối với các Nhà nước. Các loại hình hoạt động chống đối diễn ra và lan tỏa trong không gian xã hội của vùng Zomia, và như

Scott đã dùng một thuật ngữ “cấu trúc xã hội lẫn trốn tận cùng” (*the ultimate escape social structure*) (tr. 31).

Kết luận của cuốn sách đề cập đến sự trường tồn của các truyền thống quân chủ khác nhau trong bối cảnh hiện đại hóa và công nghệ mà các Nhà nước quân chủ sử dụng để loại bỏ những thế lực cản trở, chống đối.

## 2. Thuật ngữ Zomia

Zomia là một thuật ngữ chỉ một khu vực địa lý do nhà Sử học người Hà Lan là Willem Van Schendel đưa ra để chỉ về một khu vực rộng lớn của vùng miền núi các quốc gia ở phía Đông - Nam Châu Á lục địa trong lịch sử đã từng chịu sự cai trị của các Nhà nước vùng thấp. Zomia xuất phát từ Zomi là thuật ngữ chỉ những người sống ở vùng cao nói các ngôn ngữ thuộc nhóm Tạng - Miến, chủ yếu là các dân tộc sống trong phạm vi lãnh thổ có đường biên giới với Ấn Độ, Băng-la-đét và Miến Điện (Myanmar).

Ngoài ra, các học giả cũng có nhiều ý kiến khác nhau về phạm vi cụ thể của Zomia. Tuy nhiên, hầu hết đều đồng ý rằng, Zomia bao gồm vùng núi cao của Bắc Đông Dương (Bắc Việt Nam và toàn bộ Lào), Thái Lan, vùng núi tự trị của người Shan và vùng núi phía Tây Nam Trung Quốc, một số vùng mở rộng ra Tây Tạng, Đông Bắc Ấn Độ, Pakistan và Afghanistan. Khu vực này có đặc điểm chung là địa hình núi cao, là nơi cư trú của nhiều tộc người thiểu số với các bản sắc văn hóa địa phương được bảo lưu đậm nét vì họ cư trú biệt lập và cách xa khu vực cai trị của chính quyền trung ương tập quyền. Ngoài ra, có một số học giả đã sử dụng thuật ngữ Zomia để nói về một cách thức chung mà chính quyền các nước Đông Nam Á đã sử dụng để đối phó với những người vùng núi (Michaud, 2009).

Trong công trình này, James Scott đã xây dựng và phát triển một lý thuyết về những nhóm người đối kháng lại Nhà nước cầm quyền nơi họ cư trú. Họ sử dụng khu vực vùng núi cao hiểm trở để lẩn tránh sự khống chế của các Nhà nước ở cùng thấp và thung lũng. Trọng tâm chính của lý thuyết này là khu vực Zomia, vùng tự trị lớn nhất với đặc điểm “nằm ở ngoài rìa, địa hình luôn thay đổi và cấu trúc xã hội lỏng lẻo... được coi là một chiến lược thích ứng hoàn hảo đối phó với quá trình hình thành và quản trị của Nhà nước” (tr. 9). Scott đã phân tích rất hiệu quả và phát triển khái niệm Zomia như một vùng địa lý mang tính chính trị - xã hội, khẳng định việc sử dụng những vùng đất hoang sơ, không có sự kết nối để chống lại sự quản trị của Nhà nước. Với việc chối bỏ Nhà nước, Zomia đã tạo ra một tổ chức xã hội mới dựa trên các giá trị văn hóa và hệ sinh thái chung, đơn phương chống trả và đẩy lùi những nỗ lực kiểm soát và việc đánh thuế của Nhà nước. Theo Bradley Davis (2010), những nhà nghiên cứu về Zomia cho rằng: “Lịch sử của những dân tộc có Nhà nước, có lịch sử là lịch sử của đấu tranh giai cấp, còn lịch sử của những dân tộc không có lịch sử là lịch sử chống đối lại Nhà nước”.

### **3. Không gian phi nhà nước như một lực cản đồng hành với quá trình hình thành nhà nước**

Scott đã sử dụng một quan điểm lý thuyết về lực cản (*friction*) mà Ana Tsing (2005) đã phát triển khi nhìn nhận lực cản là tác nhân sản sinh ra các hành động, hiệu ứng, các hoạt động. Như vậy, những lực cản giữa không gian phi Nhà nước với Nhà nước sẽ tạo ra những hoạt động và hiệu ứng mang tính chủ động, chiến lược của những chủ thể có liên quan.

Chính vì quan điểm cho rằng, sự hình thành Nhà nước sẽ không tránh khỏi việc lạm dụng và xâm hại quyền tự do cá nhân mà quá trình hình thành Nhà nước tự thân nó sinh ra một hoạt động mang ý chí tự do, đó là “trốn thoát” (*escape*) (tr. 23) và “ngăn chặn” (*repel*) sự kiểm soát của Nhà nước (tr. 180-191), và khi nói về sự hình thành của Nhà nước thì không thể tách rời sự hình thành của những không gian tự do phi Nhà nước (tr. 10). Những người xây dựng Nhà nước luôn muốn khống chế và kiểm soát những không gian này. Scott đã có luận điểm cho rằng, những không gian phi nhà nước hình thành trên cơ sở đặc thù địa lý (đồi núi) được lựa chọn một cách chiến lược làm nơi sinh sống của những dân tộc phi chính phủ để họ có thể nhanh chóng phân tán nếu bị truy đuổi. Đồng thời, những cư dân này có hoạt động nông nghiệp cũng mang tính chiến lược với phương thức canh tác nương rẫy, sử dụng đất đai và lựa chọn loại cây trồng cho mỗi mùa vụ. Tác giả đã liên hệ sự lựa chọn chạy trốn khỏi kiểm soát của Nhà nước và cấu trúc chính trị - xã hội của các dân tộc phi chính phủ (phân mảnh, theo chiều ngang), thế giới quan (luôn luôn tìm kiếm một thiên đường đã mất), bản sắc (tổng thể, năng động, ứng phó với các cơ hội kinh tế chứ không mang tính bản thể, bất biến), và hệ thống văn tự của họ bị đánh mất (một lựa chọn chiến lược) để trốn tránh việc bị coi là hợp lệ trong nhãn quan của Nhà nước.

Scott sử dụng lịch sử của các nhà nước Đông - Nam Châu Á lựa chọn để nhấn mạnh tính tự chủ của những dân tộc lựa chọn phi nhà nước và việc tạo ra những bản sắc mới mang tính tộc người và bộ tộc (tr. 256). Quan điểm này đi cùng với quan

điểm của nhiều học giả phương Tây cho rằng, bản sắc là sự tạo thành, là cái được sinh ra theo hoàn cảnh và là sự lựa chọn chứ không phải là một yếu tố mang tính bản thể. Quan điểm của Scott về sự lựa chọn của các dân tộc phi Nhà nước có nguồn gốc từ tư tưởng của trường phái duy lý và chức năng. Thậm chí, lựa chọn đánh mất hệ thống văn tự được mô tả như một chiến lược tối ưu để nhằm thoát khỏi sự quản trị của Nhà nước. Tất cả những dân tộc thuộc không gian Nhà nước hay phi Nhà nước đều tạo ra những bản sắc sao cho phù hợp với các lợi ích về kinh tế và chính trị trong khuôn khổ không gian môi trường hạn hẹp, từ đó nảy sinh những nhân tố mang tính công cụ thay vì mang tính cấu trúc. Nói cách khác, trong bối cảnh môi trường cụ thể, các suy nghĩ mang công cụ ứng phó được nghĩ đến nhiều hơn là yếu tố cấu thành môi trường đó.

Như vậy, nếu dùng lăng kính chức năng luận của Scott thì tất cả các hoạt động phi Nhà nước bao gồm từ chế độ nô lệ đến buôn lậu ma túy, các băng đảng bạo lực, chế độ đa thê... đều được coi là những hành động phản kháng lại Nhà nước bất kể chủ thể thực hiện các hành động đó là ai và những động cơ thực hiện các hành động đó có thể hoàn toàn vì lòng tham hay quyền lực. Có lẽ, Scott đã chối bỏ lý thuyết khế ước xã hội và bảo lưu quan điểm cho rằng Nhà nước luôn luôn gắn liền với xã hội. Trong suy nghĩ của Scott về “bản chất của Nhà nước”, bộ phận phi Nhà nước không phải là bộ phận yếu thế hơn so với Nhà nước và luôn có nhiều tự do (tr. 9, 22). Chỉ có nền dân chủ mới có thể giúp người dân thoát khỏi chính phủ hà khắc và thô bạo (tr. 324). Nhưng Scott đã không hề đề cập đến cái làm cho người dân cảm thấy an tâm, nhất là

với những người yếu thế, lại có thể đến từ một sự quản trị mang tính thù địch với những dân tộc phi Nhà nước đầy bạo lực hay không.

#### **4. Không gian phi Nhà nước được vận hành theo một hình thức quản trị khác (alternative governance) song song với quản trị Nhà nước**

Scott cũng đưa ra một số điểm lưu ý đối với những không gian phi chính phủ mà hiện nay được các nhà hoạch định chính sách của Mỹ và thế giới quan tâm, vì rằng những không gian này là nguồn đe dọa an ninh quốc gia và nguyên nhân gây nên những bất ổn trên bình diện quốc tế. Với công trình này, Scott khẳng định một cách chắc chắn rằng, những không gian vô chính phủ luôn luôn tồn tại và ông gọi các không gian đó bằng một thuật ngữ bóng bẩy “*alternatively governed spaces*” (không gian được quản trị theo một cách thức khác). Scott nhấn mạnh mối quan hệ tác động qua lại trong việc hình thành lẫn nhau của không gian Nhà nước và phi Nhà nước, đồng thời nhấn mạnh rằng sự tồn tại một hình thức quản trị khác bên cạnh quản trị Nhà nước đã có từ rất lâu đồng hành với sự hình thành Nhà nước như một tấm khiên đỡ lại những tác động của quản trị Nhà nước.

Các nhà hoạch định chính sách trải qua hàng thế kỷ đã cố gắng tìm kiếm bài học kinh nghiệm trọng việc xây dựng quản trị Nhà nước ở không gian phi Nhà nước hiện nay nhưng dường như những nỗ lực đó đều không đem lại kết quả gì, chẳng hạn như những không gian mà Scott mô tả trong cuốn sách này là không gian tổ chức xã hội không có người đứng đầu của người Pastun ở vùng biên giới Pakistan và Afghanistan.

Những thảo luận mà Scott đưa ra về mở rộng lãnh thổ của các không gian Nhà nước, biến các không gian phi Nhà nước thành một trật tự có thứ bậc ở các khu vực Châu Phi, Iraq và Tây Nam Á, đặc biệt là thời kỳ thực dân, là những bài học kinh nghiệm quan trọng đối với việc tái cấu trúc xã hội sau các cuộc xung đột (tr. 258). Cụ thể, Scott nhấn mạnh bài học đó là những nỗ lực xây dựng một hình thức quản trị khác (Alternative governance) sẽ luôn luôn xuất hiện bất cứ nơi đâu có sự cai trị của Nhà nước như là kết quả biện chứng tự nhiên của quyền lực áp đặt và sự kháng cự, phản kháng lại quyền lực đó.

Một điểm được nhận thấy trong những khẳng định của Scott đó là các không gian phi Nhà nước chỉ được nhìn nhận đúng như mô tả trong lịch sử cho đến giai đoạn cuối của thời kỳ thực dân, tức là khoảng giữa thế kỷ XX. Còn hiện nay, những không gian đó không được nhận ra vì theo Scott nó vẫn tồn tại và hoạt động nhưng ở các dạng thức khác để làm méo đi vị thế độc tôn của Nhà nước. Các không gian kiểu như vậy thường chỉ còn thấy ở những nơi vô vùng hẻo lánh xa xôi mà Nhà nước không chạm tới được hoặc nó đã được biến đổi dưới tác động của thị trường toàn cầu và các cải tổ về tư tưởng và cách mạng công nghệ.

### **5. Không gian phi Nhà nước trong bối cảnh thế giới đương đại là sự quan ngại với các Nhà nước**

Theo Scott, thời kỳ hiện nay là kỷ nguyên toàn cầu được quản trị theo không gian ảo và những không gian ngoại vi chỉ là những gì còn sót lại trong truyền thuyết dân

gian (tr. 324). Ở một chừng mực nào đó, suy nghĩ này hoàn toàn đúng. Sự đa dạng của các hình thức chính trị xã hội theo những vùng lãnh thổ khác nhau của giai đoạn trước đã biến mất trong giai đoạn hiện đại. Tuy nhiên, những không gian có hình thức quản trị khác không hẳn đã bị Nhà nước xóa sổ vào cuối thế kỷ XX. Những mô tả của Scott về thời kỳ tiền thực dân có vẻ phù hợp với nhiều nơi trên thế giới trong giai đoạn hiện nay: “Lãnh thổ có sự cai trị của Nhà nước mang tính mơ hồ, đa nguyên và dễ biến đổi, đồng thời có thể không còn ý nghĩa pháp lý (tr. 61).

Những không gian phi Nhà nước tồn tại xen lẫn các không gian Nhà nước, rất nhiều trong số đó hiện nay vẫn tồn tại và vận hành để lẩn tránh, ngăn chặn “con thủy quái” chứ không phải để chinh phục thuần hóa nó (tr. 324). Ở những khu vực có sự xen kẽ và giao thoa đó, các tổ chức phi chính phủ là đại diện cho không gian phi chính phủ kiểu mới, dường như tạo ra những nguyên tắc, luật lệ riêng để thực hiện việc quản trị. Các tổ chức đó được định hình chủ yếu theo những ảnh hưởng của các dòng chảy hàng hóa, con người, tư tưởng, tiền tệ toàn cầu và khu vực cũng như bởi sự tồn tại của Nhà nước. Tất cả những không gian phi Nhà nước đó, theo phân tích của Scott hiện đang vận hành cùng với các hoạt động của Nhà nước và chịu sự quản trị của Nhà nước ở những mức độ khác nhau dưới dạng Nhà nước ổn định hay Nhà nước sụp đổ, Nhà nước quyền năng, lỏng lẻo hay không có luật lệ, “nửa Nhà nước” hay những lãnh thổ hoạt động hiệu quả’ (Jackson, 1990). Thế giới hiện nay đang vận hành những biên giới lãnh

thô mềm chứ không phải những biên giới cứng và biên giới thay thế (Clunan & Harold, 2010). Như Stephen Krasner đã nhấn mạnh, lãnh thổ cai trị của Nhà nước luôn luôn được tuyên bố như một truyền thuyết còn những vùng ngoại vi hay vùng đệm thì luôn luôn tồn tại (Krasner, 1999)

Một số không gian phi Nhà nước vẫn còn được nhận diện dưới dạng các xã hội không có người đứng đầu và đó chính là tâm điểm trong công trình của Scott. Những xã hội này được quản trị theo một cách thức khác và theo đó tạo ra những không gian phi Nhà nước và được coi là có vấn đề trong con mắt của những người hoạch định chính sách phương Tây hiện nay: khu vực miền núi biên giới giữa Pakistan và Afghanistan, Yemen, Ả rập và vùng núi Andes. Tuy nhiên, Scott đã không đúng khi liên hệ những không gian phi Nhà nước với các dân tộc vốn đã cư trú tại vùng đất xa xôi đó từ rất lâu. Ngày nay, những không gian ngoại vi, xa trung tâm, ở đáy của nền kinh tế toàn cầu và mạng lưới Internet; của các thành phố và đô thị cũng có thể được coi là những không gian xa xôi hẻo lánh tương tự như khu vực đồi núi của những người tị nạn khu vực Đông - Nam Châu Á (Williams, 2010).

Ngày nay, những dòng chảy toàn cầu trong các lĩnh vực từ kinh doanh, truyền thông, con người, hàng hóa, dịch vụ đến thông tin và ý tưởng đều được truyền tải theo một không gian ảo đến tất cả mọi nơi trên toàn thế giới và với mật độ dày đặc hơn rất nhiều lần so với kỷ nguyên trước đây. Bối cảnh đó đã đem đến cho những người phi Nhà nước một không gian mới để mở rộng phạm vi, độc lập hơn và tăng cường phản kháng lại các lực lượng của Nhà nước. Ở một số khu vực khác, những không gian

phi Nhà nước tồn tại dưới hình thức các tổ chức phi chính phủ, cung cấp các loại hình đào tạo, tập huấn, tài chính, tư tưởng về quyền sống, độc lập, tài nguyên, tự trị, tự do thoát khỏi sự xâm phạm và quản trị thô bạo của chính phủ (Keck & Sikkink, 1998). Các công ty xuyên quốc gia và những tổ chức phi chính phủ (NGOs) đã tạo ra một hệ thống những quy tắc quản trị riêng chịu sự chi phối của các quy luật thị trường, nhưng hệ thống các quy tắc này được mở rộng ra ở các lĩnh vực khác, cụ thể như trường hợp những hệ thống quản trị xuyên quốc gia của tư nhân.

Trong không gian ảo, cuộc chiến liên quan đến tin tặc và các tổ chức chống phá càng cam go và phức tạp hơn. Trong không gian ảo đó, Nhà nước vẫn luôn cố gắng kiểm soát và hạn chế quyền tự do của người dân, ví dụ như trường hợp một số nước có áp dụng chế độ giám sát, theo dõi và kiểm soát trên mạng Internet. Những Nhà nước đó đúng nghĩa là đang cố gắng phá vỡ không gian mở không xác định, được tạo thành bởi các câu lệnh lập trình và những công nghệ hiện đại khác trên mạng Internet. Thậm chí, nhiều quốc gia như Mỹ đã thành lập đội đặc nhiệm trên không gian ảo (*Cyber command*) cho thấy mức độ nghiêm trọng của những đe dọa từ những không gian ảo không thể kiểm soát này.

Scott cho rằng, các không gian có hình thức quản trị khác nói trên đều hưởng lợi từ những thay đổi liên quan đến đường biên giới theo pháp lý, cũng giống như các không gian phi chính phủ được đề cập đến trong công trình này (tr. 133). Điều này vẫn có ý nghĩa ngay cả khi những không gian nói trên tồn tại trong một nhà nước nào đó. Trong rất nhiều trường hợp, không gian phi Nhà nước và nhân tố phi Nhà nước đều cần có Nhà

nước, vì thế mà họ không hề cố gắng thay thế không gian Nhà nước bằng phi Nhà nước; không chỉ vậy, các không gian phi Nhà nước đó còn có lợi khi Nhà nước được thành lập với phạm vi lãnh thổ cụ thể.

### **6. Nghệ thuật không bị quản trị - tính đạo đức của không gian phi Nhà nước và Nhà nước**

Với mục đích làm rõ khía cạnh đạo đức của quá trình hình thành Nhà nước, Scott đã nhấn mạnh đến những hành động thô bạo và phi nhân văn đi cùng với quá trình hình thành các Nhà nước đối với con người. Thông qua các chứng cứ lịch sử, tác giả đã cho thấy các Nhà nước thường chú ý việc kiểm soát cá nhân và các nguồn tài nguyên nhiều hơn là tạo ra một môi trường sống với những dịch vụ Nhà nước tốt và đảm bảo an toàn cho các cá nhân. Trong khi đó, Scott đã khéo léo tạo ra một luận điểm nghe có vẻ rất thuyết phục về vai trò của nô lệ, lực lượng lao động bị ép buộc trong việc xây dựng và phát triển Nhà nước ở khu vực Tây Âu và Đông - Nam Châu Á. Điều này đồng nghĩa với việc khẳng định vai trò quan trọng của các lực lượng người này đối với quá trình hình thành Nhà nước và tiếng nói, tâm tư của họ cần được chú ý, gắn với hình thức quản trị Nhà nước. Vì vậy, theo Scott, sự phản kháng lại hoạt động chính trị của Nhà nước đồng nghĩa với việc khẳng định tính độc lập, ý chí tự do của cá nhân trong việc lựa chọn cách quản trị phù hợp với mình của những nhóm người này. Luận điểm này của Scott thể hiện rõ lý thuyết của Michel Foucault về “quản trị” (governmentality) (Foucault, 1991). Có thể nói, Scott là một trong những đại diện điển hình của những học giả theo trường phái lý thuyết Foucauldian về

cá nhân và sự tự do lựa chọn hình thức quản trị và quản trị như thế nào.

Như vậy, Scott thực sự đã cho thấy một cách nhìn khác hoàn toàn so với trước đây khi nhìn nhận đa chiều hơn, phản ánh nhiều nhân tố cùng tham gia vào quá trình hình thành Nhà nước và đề cập đến tiếng nói của các đối tượng khác nhau có liên quan hơn so với những gì chúng ta đã bàn luận trước đó. Rõ ràng, công trình này đã gắn tất cả các nhân tố liên quan đến quá trình hình thành Nhà nước đã bị bỏ qua trước đây trở lại với quá trình đó. Vào cuối thế kỷ XX, Scott (1990) đã tranh luận rằng vô số các loại hình quản trị xã hội và chính trị đã xuất hiện từ trước tới nay đều là để tạo ra một thế giới phẳng, đồng nhất, tạo ra các lãnh thổ thuộc quyền quản trị tập trung của Nhà nước. Trong công trình này, tác giả vẫn duy trì quan điểm cá nhân cho rằng sự hình thành và xác lập các chính thể và xã hội đi cùng với sự hủy hoại ý chí và tự do cá nhân.

Tuy nhiên, Scott khi đặt không gian Nhà nước và phi Nhà nước ở hai cực đối lập, nếu phân tích góc độ đạo đức thì Scott cần phân tích ở cả không gian Nhà nước và phi Nhà nước thay vì chỉ tập trung vào khía cạnh đạo đức của Nhà nước. Liệu những kẻ phiến loạn mà Scott chỉ gọi tên là những trường hợp các dân tộc phi Nhà nước bị Nhà nước tấn công (tr. 206), có được coi là có đạo đức không khi họ ngang nhiên thực hiện cưỡng bức tập thể phụ nữ ở Congo hay biến trẻ em thành nô lệ ở Uganda? Scott không hề đề cập đến những góc tối của vấn đề đạo đức của các hoạt động chống đối Nhà nước ở bất kỳ chỗ nào trong cuốn sách này, mặc dù tác giả có đưa ra một số ví dụ về những dân tộc phi Nhà nước bị đàn áp và cũng

tương tự như các dân tộc Nhà nước bị tấn công (tr. 22, 150, 152).

Người đọc bị đưa đến một tâm lý băn khoăn là liệu Scott đã loại bỏ giai đoạn hiện nay của thế giới trong cuốn sách này hay khái quát về các không gian phi Nhà nước như là một chiến lược chống đối vĩ đại. Bởi vì nếu thực sự làm như vậy thì Scott đã đề cập đến những nhóm người phi nhân văn: phiến quân, thủ lĩnh quân sự, phần tử khủng bố cảm tử, trộm buôn lậu, cướp biển, trộm buôn bán nô lệ, băng nhóm xã hội đen - với hàm ý tích cực như với những dân tộc phi Nhà nước thừa xưa. Để thu thập những cứ liệu lịch sử của các nhóm phi Nhà nước giai đoạn trước đây, theo mô tả của Scott, nghệ thuật để không bị cai trị thường là những thứ thô thiển, dã man, không công bằng và mang tính bạo lực. Cũng tương tự như tự do là một giá trị đạo đức và triết lý, sự an toàn trong cuộc sống và tài sản là những giá trị không thể thiếu đối với mỗi con người. Một số Nhà nước đã thất bại hiện nay như Afghanistan, Uganda, Congo đều không thể đem đến những giá trị nói trên cho người dân, nhưng những giá trị đạo đức của các nhóm phi Nhà nước như người Pastun và Mayi-Malyi vùng núi cao, thủ lĩnh quân sự đối kháng đều không phải là các giá trị đạo đức chủ đạo của những người phi Nhà nước. Cũng như những giá trị đạo đức chiếm ưu thế của các bộ lạc vùng núi với những hoạt động nổi loạn và buôn bán nô lệ trong thời kỳ tiền thực dân cũng không thể được coi là giá trị chủ đạo (tr. 151-153). Cách nhìn của Scott đối với các xã hội phi Nhà nước cho thấy Scott đã bỏ qua tất cả những vấn đề liên quan đến sự nghèo đói, bạo lực, sự thiếu tự do, không bình đẳng của những không gian phi Nhà nước cũng chỉ với một mục đích là cố gắng làm nổi bật tính bạo ngược của các

Nhà nước. Ở đâu đó, Scott cũng đề cập đến tính quân chủ và thứ bậc trong các không gian này nhưng tất cả đều nhằm mục đích tạo ra liên minh để chống đối lại Nhà nước và tính quân chủ đó không nhất quán và liên tục (tr. 20-21).

### Kết luận

Cuốn sách “*The art of not being governed: An Anarchist History of Upland Southeast Asia*” là một công trình có sự phân tích rất lô cuốn và kỹ càng về sự hình thành Nhà nước và chinh phạt mở rộng lãnh thổ của Nhà nước, từ đó đưa ra những giả thuyết gây nhiều tranh cãi cũng như các bài học về chính sách rất quan trọng. Scott nhìn nhận việc kết thúc các dạng thức đa dạng của xã hội loài người là một thực tế rất đáng buồn. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, những xã hội chống đối lại Nhà nước và vận hành một hình thức quản trị khác vẫn đang tồn tại và vận hành tốt. Theo Scott, chính sự phản kháng lại Nhà nước đã khiến họ trở thành bộ phận được coi trọng vì an ninh và tự do hơn cho các cá nhân thuộc về những không gian phi Nhà nước. Đó được coi là công cụ duy nhất để bảo vệ tự tôn và sự sống, song trên thực tế, chính sự phản kháng đó cũng gây nên những thứ tiêu cực như bệnh dịch, khủng bố, giết chóc, nô lệ mà Scott không hề nhắc đến trong công trình nghiên cứu rất ấn tượng của mình về quản trị phi Nhà nước.

### Tài liệu tham khảo

1. Davis, Bradley (2010), Review of the Art of Not Being Governed, retrieved from <http://newmandala.org/book-review/review-of-art-of-being-not-governed-tlcnmrev-viii/>
2. Clunna, Anne (2011), *State, Power, Anarchism, A Discussion of the Art of Not Being Governed: An Anarchist History of Upland Southeast Asia*, Review

*Symposium: State, Power, Anarchism, Perspectives on Politics*, Vol. 9, Issue 01/March 2011, tr. 99-102.

3. Foucault, Michel (1991), “Governmentality”, in: Graham Burchell, Colin Gordon and Peter Miller (eds.), *The Foucault Effect: Studies in Governmentality*, University of Chicago Press, Chicago, tr. 87-104.

4. Jackson, Robert (1990), *Quasi-States: Sovereignty, International Relations, and the Third World*, Cambridge University Press, Cambridge.

5. Keck, Margaret E., & Kathryn, Sikkink (1998), “Activists Beyond Borders: Advocacy Networks”, in: *International Politics*, Cornell University Press, Ithaca, NY.

6. Krasner, Stephen (1999), *Sovereignty: Organized Hypocrisy*, Princeton University Press, Princeton.

7. Michaud, Jean (2009), “Handling Mountain Minorities in China, Burma,

Cambodia, Vietnam, and Laos: From History to Current Concern”, *Asian Ethnicity*, No.10, tr. 25-49.

8. Scott, James (2009), *The art of not being governed: An Anarchist History of Upland Southeast Asia*, Yale University Press, New Haven.

9. Scott, James (1990), *Domination and the Arts of Resistance*, Yale University Press, New Haven.

10. Tsing, Ana (2005), *Friction: An Ethnography of Global Connection*, Princeton University Press.

11. Williams, Phil. (2010), “Dangerous Spaces and International Sercurity”, in: *Ungoverned Spaces: Alternatives to State Authority in an Era of Softened Sovereignty*, Anne L. Clunan and Harold A. Trinkunas (eds.), Standford University Press.



Bản của người Hà Nhì ở thôn Tả Kô Khừ, xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

Ảnh: Lê Thị Thòà, chụp năm 2014